

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 02 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thu, chi năm 2023 của  
Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam;*

*Xét đề nghị của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam tại Tờ trình số 02/TTr-QBV&PTR-BĐH ngày 11/01/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thu, chi năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 45/TTr-STC ngày 29/01/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thu, chi năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 05/4/2023; cụ thể như sau:

*Đvt: Đồng*

S T T	Nội dung	Kế hoạch năm 2023 đã phê duyệt	Điều chỉnh kế hoạch năm 2023		Kế hoạch 2023 sau điều chỉnh
		Số tiền (đ)	Tăng (đ)	Giảm (đ)	Số tiền (đ)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>PHẦN THU</b>	184.558.091.515	19.062.562.360	28.128.875.696	175.491.778.179
	<b>Thu kế hoạch năm 2023</b>	184.558.091.515	19.062.562.360	28.128.875.696	175.491.778.179

1	Thu điều phối từ Quỹ BV&PTR Việt Nam	45.238.619.592	18.936.816.809	0	64.175.436.401
2	Thu nội tỉnh	139.227.288.976	0	28.128.875.696	111.098.413.280
3	Thu lãi tiền gửi	92.182.947	125.745.551	0	217.928.498
<b>B</b>	<b>PHẦN CHI (B.1.+ B.2.+B.3.+B4.)</b>	<b>184.558.091.543</b>	<b>950.285.166</b>	<b>10.016.598.530</b>	<b>175.491.778.179</b>
<b>B.1</b>	<b>Chi quản lý</b>	<b>17.771.320.000</b>	<b>374.288.401</b>	<b>596.430.583</b>	<b>17.549.177.818</b>
<b>I</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>8.023.320.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.023.320.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi không thường xuyên</b>	<b>9.748.000.000</b>	<b>374.288.401</b>	<b>596.430.583</b>	<b>9.525.857.818</b>
1	Chi hoạt động rà soát, xác định diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, các hoạt động kỹ thuật theo dõi, đánh giá chất lượng dịch vụ môi trường rừng	1.250.000.000	0	47.100.000	1.202.900.000
2	Hỗ trợ xây dựng Phương án Quản lý rừng bền vững	480.000.000	0	3.000.000	477.000.000
3	Chi hỗ trợ hoạt động liên quan đến chi trả dịch vụ môi trường rừng cấp huyện, xã	1.700.000.000	98.114.000	107.380.500	1.690.733.500
4	Chi hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ	270.000.000	0	86.082.000	183.918.000
5	Đi làm việc với các chủ rừng để nắm bắt tình hình và hướng dẫn thực hiện chính sách chi trả DVMTR	200.000.000	0	17.300.000	182.700.000
6	Chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản phục vụ hoạt động bộ máy Quỹ, mua sắm các trang thiết bị đặc thù phục vụ công tác chi trả	1.090.000.000	276.174.401	11.332.563	1.354.841.838
7	Chi tuyên truyền	3.700.000.000	0	59.039.000	3.640.961.000
8	Chi dịch vụ tư vấn kiểm toán	140.000.000	0	0	140.000.000
9	Chi đoàn ra, đoàn vào	200.000.000	0	29.361.520	170.638.480
10	Chi khác	718.000.000	0	235.835.000	482.165.000
<b>B.2</b>	<b>Trích dự phòng</b>	<b>9.227.905.000</b>	<b>0</b>	<b>9.227.905.000</b>	<b>0</b>
<b>B.3</b>	<b>Số tiền còn lại chi trả</b>	<b>157.558.866.543</b>	<b>575.996.765</b>	<b>192.262.947</b>	<b>157.942.600.361</b>
<b>I</b>	<b>Chi cho chủ rừng</b>	<b>153.326.297.543</b>	<b>575.996.765</b>	<b>0</b>	<b>153.902.294.308</b>
<b>II</b>	<b>Tuyên truyền, phổ biến chính sách nâng cao năng lực thực thi chính sách chi trả DVMTR từ nguồn chưa có đối tượng chi</b>	<b>4.232.569.000</b>	<b>0</b>	<b>192.262.947</b>	<b>4.040.306.053</b>
1	Tuyên truyền văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ rừng và công tác bảo vệ rừng	1.199.884.000	0	1.277.429	1.198.606.571
	Xây dựng 04 chốt bảo vệ				

2	rừng lấp ghép di động tại lưu vực thủy điện Sông Tranh 3, Sông Tranh 4	1.025.000.000	0	0	1.025.000.000
3	Xây dựng 04 chốt bảo vệ rừng lấp ghép di động tại huyện Nam Giang	1.150.000.000	0	35.000.000	1.115.000.000
4	Xây dựng bổ sung hệ thống chống sét cho 10 chốt bảo vệ rừng đã xây dựng tại Nam Trà My, Nông Sơn, Núi Thành	257.685.000	0	2.727.218	254.957.782
5	Trồng cây phân tán thực hiện Đề án trồng mới 1 tỷ cây xanh	600.000.000	0	153.258.300	446.741.700

(Chi tiết số thu, phân bổ tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2023 và chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các lưu vực, chủ rừng năm 2023 theo Phụ lục đính kèm)

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh căn cứ kế hoạch thu, chi năm 2023 điều chỉnh để quyết toán các nhiệm vụ theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính theo dõi, hướng dẫn, giám sát Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh thực hiện theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện có thực hiện chính sách chi trả DVMTR;
- Chi cục Kiểm lâm;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Nam 2024\Giay moi\01 31 phe duyệt điều chỉnh ke hoạch thu chi nam 2023 của Quy BVPTR.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Quang Bửu**